

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 17/01/2022

(V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Ông Nguyễn Bính

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia
phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 162/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số 197/2021/TB-TA ngày 28 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 198/2021/TB-TA ngày 13 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng A. Do bà Nguyễn Đức Thạch B - Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: lầu D, số C, phường E, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng F, nhân viên Ngân hàng A.

* **Bị đơn:** Bà Lê Thị Trung G, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: khu phố 2, phường H, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng F trình bày:

Về nơi cư trú của bà Lê Thị Trung G: Khi ký hợp đồng tín dụng số 00327 ngày 22/8/2019 (kèm các điều khoản chung về cấp tín dụng) với ngân hàng bà G có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nhà ở tại khu phố 2, phường H, thành phố Phan Thiết và có cung cấp chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu ở khu phố 2, phường H.

Vào khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2020 Ngân hàng có gặp trực tiếp bà G tại chợ Phú F và yêu cầu bà G trả tiền nhưng bà không trả. Hiện nay bà G đã nghỉ bán tại hai sạp bà G thuê tại chợ Phú F, 02 sạp hiện đóng cửa và do ngân hàng quản lý.

Ngân hàng cho bà G vay 90.000.000 đồng tiền gốc, thời hạn vay 10 tháng (từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/6/2020), lãi suất 15,6%/năm (1,3%/tháng, chỉ tính một mức lãi suất này), lãi suất 10 tháng là 11.742.500 đồng. Bà G đã trả cho Ngân hàng 35.463.600 đồng tiền gốc và 3.244.300 đồng tiền lãi, còn nợ gốc chưa trả 54.536.400 đồng và lãi chưa trả 8.498.200 đồng (tính từ ngày 13/11/2019 đến 22/6/2020). Hợp đồng này bà G trả theo ngày, mỗi ngày trả 333.600 đồng (trong đó gốc 295.100 đồng, lãi 38.500 đồng), ngày cuối cùng thu 328.100 đồng. Ngày 22/11/2019 bà G đã vi phạm hợp đồng không trả gốc và lãi cho ngân hàng.

Khi vay tiền bà G đồng ý thế chấp quyền sử dụng sạp và đồng ý cho ngân hàng giữ bản chính các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng sạp số 144, 32 tại khu vực thịt heo, tạp hóa của chợ Phú F theo hợp đồng số 17/HĐ-BQL ngày 25/3/2015 và hợp đồng số 44/HĐ-BQL ngày 01/11/2015 ký giữa bà G và ban quản lý chợ Phú F, tổng giá trị tài sản bảo đảm 130.000.000 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà G trả số tiền gốc 54.536.400 đồng và tiền lãi 8.498.200 đồng (tính từ ngày 13/11/2019 đến ngày 22/6/2020), tổng cộng 63.034.600 đồng. Loại hình cho vay này Ngân hàng chỉ tính lãi suất đến ngày 22/6/2020 là chấm dứt, không tính lãi suất phát sinh sau ngày 22/6/2020.

Ngân hàng yêu cầu trả lãi suất chậm thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định theo Hợp đồng tín dụng số 00327 - 00860 ngày 22 tháng 8 năm 2019 (kèm theo các điều khoản chung về cấp tín dụng) được ký giữa Ngân hàng A chi nhánh Bình Thuận với bà G. Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với hai hợp đồng thế chấp quyền sử dụng sạp nói trên và không yêu cầu chồng bà G (nếu có) phải trả số tiền trên cho ngân hàng.

* Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bị đơn bà Lê Thị Trung G thể hiện bà G có cư trú và có hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, phường H, thành phố Phan Thiết, nhưng qua xác minh tại chính quyền địa phương bà G không có mặt và bỏ đi khỏi khu phố 2, phường H nhiều năm nay, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị Trung G có cư trú, có hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, phường H, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Theo Hợp đồng tín dụng số 00327- 00860 ngày 22 tháng 8 năm 2019, được ký giữa Ngân hàng A chi nhánh Bình Thuận với bà Lê Thị Trung G, có ghi đầy đủ và đúng địa chỉ hộ khẩu thường trú của bà G tại khu phố 2, phường H, thành phố Phan Thiết và địa chỉ liên lạc khu phố 2, phường H, thành phố Phan Thiết nhưng qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết hiện bà G không có mặt tại khu phố 2, phường H, thành phố Phan Thiết, đã bỏ đi khỏi địa phương nhiều năm. Xét việc bà G bỏ đi khỏi địa phương mà bà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên trường hợp này được coi như cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà G.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số 0032-00860 ngày 22 tháng 8 năm 2019 (kèm theo các điều khoản chung về cấp tín dụng), chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà Lê Thị Trung G, phiếu chi giải ngân, bản kê tiền gốc lãi nhận thấy, Ngân hàng A - chi nhánh Bình Thuận có ký Hợp đồng tín dụng số 00327- 00860 ngày 22 tháng 8 năm 2019 với bà Lê Thị Trung G, cho bà G vay số tiền 90.000.000 đồng tiền gốc, thời hạn vay 10 tháng (từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/6/2020), lãi suất 15,6%/năm (1,3%/tháng), trả lãi hàng ngày, mỗi ngày trả 333.600 đồng (trong đó gốc 295.100 đồng, lãi 38.500 đồng), ngày trả cuối kỳ 328.100 đồng. Bà G đã nhận số tiền 90.000.000 đồng vào ngày 22 tháng 8 năm 2019.

Khi vay tiền bà G có thể chấp quyền sử dụng sạp số 144 và số 32 tại khu vực thịt heo, tạp hóa của chợ Phú F theo hợp đồng số 17/HĐ-BQL ngày 25/3/2015 và

hợp đồng số 44/HĐ-BQL ngày 01/11/2015 ký giữa bà G và Ban quản lý chợ Phú F cho nguyên đơn.

Sau khi vay tiền, bà G đã trả cho nguyên đơn được 35.463.600 đồng tiền gốc và 3.244.300 đồng tiền lãi, còn nợ tiền gốc chưa trả 54.536.400 đồng và tiền lãi chưa trả 8.498.200 đồng(tính từ ngày 13/11/2019 đến ngày 22/6/2020). Bà G đã vi phạm hợp đồng không trả gốc và lãi cho nguyên đơn vào ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà G phải trả số tiền gốc 54.536.400 đồng và tiền lãi 8.498.200 đồng. Loại hình hợp đồng tín dụng này nguyên đơn chỉ tính lãi suất cho bà G đến ngày 22 tháng 6 năm 2020 là chấm dứt, không tính lãi suất phát sinh sau ngày 22 tháng 6 năm 2020.

Từ những nhận định trên, có cơ sở khẳng định bà G có vay tiền, có thể chấp quyền sử dụng sạp, có nhận tiền vay, có trả tiền gốc và tiền lãi cho nguyên đơn và thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án là đúng sự thật. Từ ngày 22 tháng 11 năm 2019, bà G đã vi phạm nghĩa vụ không tiếp tục trả tiền gốc còn lại và tiền lãi cho nguyên đơn là bà đã vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bà phải trả số tiền gốc và lãi còn lại theo hợp đồng là đúng pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được chấp nhận và buộc bà Lê Thị Trung G phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền gốc 54.536.400 đồng và tiền lãi 8.498.200 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 63.034.600 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với hai hợp đồng thế chấp quyền sử dụng sạp theo Hợp đồng số 17/HĐ-BQL ngày 25/3/2015 và Hợp đồng số 44/HĐ-BQL ngày 01/11/2015 ký giữa bà G và Ban quản lý chợ Phú F và không yêu cầu chồng bà G (nếu có) phải trả số tiền trên cho nguyên đơn nên không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự;
- Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc bà Lê Thị Trung G phải trả cho Ngân hàng A số tiền **63.034.600** đồng (Sáu mươi ba triệu không trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm đồng (trong đó tiền gốc 54.536.400 đồng, tiền lãi 8.498.200 đồng)), theo Hợp đồng tín dụng số 00327-00860 ngày 22 tháng 8 năm 2019 (kèm theo các điều khoản chung về cấp tín dụng) được ký giữa Ngân hàng A chi nhánh Bình Thuận với bà Lê Thị Trung G.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 00327-00860 ngày 22 tháng 8 năm 2019 (kèm theo các điều khoản chung về cấp tín dụng) được ký giữa Ngân hàng A chi nhánh Bình Thuận với bà Lê Thị Trung G.

3/ Án phí: Bà Lê Thị Trung G phải nộp 3.151.730 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 1.575.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004026 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan